

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12102:2017

ISO 18626:2014

Xuất bản lần 1

**THÔNG TIN VÀ TỰ LIỆU –
GIAO DỊCH MƯỢN LIÊN THƯ VIỆN**

Information and Documentation — Interlibrary Loan Transactions

HÀ NỘI – 2017

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	5
Lời giới thiệu	6
1 Phạm vi áp dụng	7
2 Tài liệu viện dẫn	7
3 Thuật ngữ và định nghĩa	7
4 Thông báo	8
4.1 Qui định chung	8
4.2 Yêu cầu	9
4.3 Xác nhận yêu cầu	14
4.4 Thông báo của cơ quan cung cấp	14
4.5 Xác nhận thông báo của cơ quan cung cấp	17
4.6 Thông báo của cơ quan yêu cầu	17
4.7 Xác nhận thông báo của cơ quan yêu cầu	18
4.8 Loại phức hợp	19
4.9 Mã đóng	21
4.10 Dữ liệu lỗi	23
5 Định dạng và vận chuyển	24
5.1 Định dạng	24
5.2 Vận chuyển	24
5.3 Bảo vệ bí mật dữ liệu	26
6 Sự phù hợp các yêu cầu	26
Phụ lục A (tham khảo) Website thông tin	27
Phụ lục B (tham khảo) Mã mở	28
Phụ lục C (tham khảo) Lược đồ XML cho giao thức mượn liên thư viện	35
Phụ lục D (tham khảo) Chỉ dẫn - Trường hợp sử dụng	36
Phụ lục E (tham khảo) Nhận dạng biểu ghi nội bộ duy nhất của Thư viện cung cấp	46
Thư mục tài liệu tham khảo	47

Lời nói đầu

TCVN 12102:2017 hoàn toàn tương đương với ISO 18626:2014

TCVN 12102:2017 do Thư viện Quốc gia Việt Nam biên soạn, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Tiêu chuẩn ISO 18626:2014 *Information and documentation — Interlibrary Loan Transactions* được biên soạn thành TCVN 12102:2017 được bổ sung và kế thừa từ các tiêu chuẩn ISO 10160 (TCVN 11642-1 (ISO 10161-1) và TCVN 11642-2 (ISO 10161-2)), phù hợp với môi trường kỹ thuật số hiện đại dựa trên ngôn ngữ đánh dấu mở rộng (XML) và những dịch vụ Web.

Tiêu chuẩn này quy định ba thông báo cơ bản: yêu cầu, thông báo của thư viện cung cấp và thông báo của thư viện yêu cầu trong giao dịch mượn liên thư viện để chia sẻ nguồn lực giữa các thư viện, trung tâm thông tin. Tiêu chuẩn này cũng liên kết tên yếu tố, giao thức vận chuyển, và lược đồ XML với các chức năng tương tự trong ANSI/NISO Z39.83 NISO *Giao thức trao đổi lưu thông*.

Thông tin và tư liệu — Giao dịch mượn liên thư viện

Information and Documentation — Interlibrary Loan Transactions

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định giao dịch giữa các thư viện hoặc giữa thư viện và cơ quan khác để xử lý các yêu cầu về tài liệu thư viện và luồng trao đổi thông báo tiếp theo.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

TCVN 6380 (ISO 2108), *Thông tin và tư liệu — Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho sách (ISBN)*

TCVN 6381 (ISO 3297), *Thông tin và tư liệu — Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN)*

TCVN 6558 (ISO 4217), *Mã thể hiện các đồng tiền*

TCVN 7217-1 (ISO 3166-1), *Mã thể hiện tên và vùng lãnh thổ của các nước — Phần 1: Mã nước*

TCVN 7217-2 (ISO 3166-2), *Mã thể hiện tên và vùng lãnh thổ của các nước — Phần 2: Mã vùng lãnh thổ*

TCVN ISO 8601:2004 (ISO 8601:2000), *Phần tử dữ liệu và dạng thức trao đổi — Trao đổi thông tin — Biểu diễn thời gian*

TCVN 11272 (ISO 10957), *Thông tin và tư liệu — Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho âm nhạc (ISMN)*

TCVN 11645:2016 (ISO 15511), *Thông tin và tư liệu — Ký hiệu nhận dạng tiêu chuẩn quốc tế cho các thư viện và các tổ chức liên quan*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1

Cơ quan (agency)

Thư viện, tổ chức liên quan tới thư viện, hoặc cơ quan khác như lưu trữ, bảo tàng, hoặc nhà cung cấp tài liệu thương mại

3.2

Thư viện (library)

Tổ chức hay bộ phận của tổ chức trong đó các kho thư viện được lập, duy trì và sẵn sàng cho mượn nhờ các dịch vụ của một đội ngũ nhân viên

3.3

Cơ quan yêu cầu (requesting agency)

Cơ quan gửi yêu cầu về tài liệu thư viện và nhận được tài liệu đó từ cơ quan cung cấp

3.4

Cơ quan cung cấp (supplying agency)

Cơ quan nhận yêu cầu về tài liệu thư viện và chuyển phát tài liệu đó tới cơ quan yêu cầu

3.5

Tổ chức liên quan tới thư viện (library-related organization)

Viện, công ty, tập đoàn, hoặc tổ chức khác thay mặt một hoặc nhiều thư viện xử lý các yêu cầu mượn liên thư viện và/hoặc nhận tài liệu thư viện được yêu cầu

3.6

Tài liệu thư viện (library items)

Sách, tạp chí, bài báo, bản nhạc, v.v... hoặc bản sao của tài liệu này ở dạng vật lý hoặc dạng số

4 Thông báo

4.1 Qui định chung

Tiêu chuẩn này quy định ba thông báo và trả lời để xử lý các giao dịch mượn liên thư viện:

- Yêu cầu và xác nhận yêu cầu;
- Thông báo của cơ quan cung cấp và xác nhận thông báo của cơ quan cung cấp;
- Thông báo của cơ quan yêu cầu và xác nhận thông báo của cơ quan yêu cầu.

Một thông báo xác nhận sẽ được gửi ngay lập tức để phản hồi yêu cầu, thông báo của cơ quan cung cấp và thông báo của cơ quan yêu cầu (xem 4.3, 4.5, và 4.7). Thông báo xác nhận yêu cầu không phải là câu trả lời đáp ứng hoặc không đáp ứng đối với Yêu cầu mà chỉ cho biết Thông báo yêu cầu đã được nhận. Nếu Thông báo yêu cầu có sai sót, Thông báo xác nhận yêu cầu phải bao gồm Dữ liệu lỗi (xem 4.10).

Dưới đây là mã dùng trong các bảng:

- R: Repeatable (Lặp);
- M: Mandatory (Bắt buộc);

- CT: Complex Type (Loại phức hợp);
- OC: Open Code List (Danh mục mã mở) (nghĩa là Cấp giá trị lược đồ);
- CC: Closed Code List (Danh mục mã đóng) (nghĩa là danh mục mã là bộ phận của chuẩn mượn liên thư viện);
- SC: Standard Code List (Danh mục mã chuẩn).

Danh mục mã mở là một lược đồ được định sẵn, bao gồm một danh sách liệt kê các giá trị có thể của một yếu tố dữ liệu cho trước và được hỗ trợ bởi các ứng dụng phù hợp với tiêu chuẩn này. Danh mục mã mở của giá trị không phải đã bao hàm toàn diện và các nhóm thực hiện có thể phát triển lược đồ bổ sung cho các loại được liệt kê để bao quát các yêu cầu thực hiện. Như vậy, một ứng dụng có thể lựa chọn để hỗ trợ lược đồ bổ sung cho một hoặc nhiều danh mục mã mở. Danh mục cốt lõi của các giá trị được hỗ trợ bởi tất cả các triển khai được xác định tại Phụ lục B.

Danh mục mã chuẩn dựa trên danh mục mã được công bố trong các tiêu chuẩn liên quan hoặc văn bản quy định khác.

Các lược đồ và giá trị mới có thể được bổ sung vào Danh mục mã mở như mô tả trong Phụ lục B.

Các loại phức hợp được liệt kê và định nghĩa trong 4.8.

Danh mục mã đóng (xem 4.9) là phần quy định của tiêu chuẩn này và được hỗ trợ từ các ứng dụng phù hợp với tiêu chuẩn này. Danh mục mã đóng tương tự như Danh mục mã mở, ngoại trừ Danh mục mã đóng của giá trị đề nghị tương đối toàn diện và ổn định. Vì vậy, phiên bản trực tuyến của các danh sách mục sẽ không được cung cấp. Tuy nhiên, các yếu tố lược đồ mã đóng và giá trị mã mới có thể được thêm vào phiên bản tương lai của tiêu chuẩn này.

Ngày và thời gian luôn được cung cấp ở định dạng YYYY-MM-DDThh:mm:ssZ, theo quy định của TCVN ISO 8601:2004. Khi thời gian là không quan trọng, ví dụ như khi thời điểm cuối cùng của một ngày, sử dụng 23:59:59Z để chỉ ra thời gian. Ví dụ: 2013-05-15T23:59:59Z.

4.2 Yêu cầu

Yêu cầu có chứa thông tin về tài liệu và dịch vụ được yêu cầu.

Yêu cầu được gửi từ cơ quan yêu cầu tới cơ quan cung cấp.

Yêu cầu có chứa một số hoặc tất cả các nhóm yếu tố dữ liệu sau:

- Header (Tiêu đề): Thông tin hành chính;
- BibliographicInfo (Thông tin thư mục): Chi tiết của tài liệu được yêu cầu;
- PublicationInfo (Thông tin xuất bản): Thông tin về xuất bản phẩm;
- ServiceInfo (Thông tin dịch vụ): Chi tiết của dịch vụ được yêu cầu;
- SupplierInfo (Thông tin nhà cung cấp): Danh sách nhà cung cấp tiềm năng;

- RequestedDeliveryInfo (Thông tin chuyển phát yêu cầu): Địa chỉ và phương thức chuyển phát tài liệu;
- RequestingAgencyInfo (Thông tin về cơ quan yêu cầu): Chi tiết về cơ quan yêu cầu;
- PatronInfo (Thông tin bạn đọc): Chi tiết về khách hàng;
- BillingInfo (Thông tin tính và trả chi phí): Cách thu tiền của cơ quan yêu cầu.

Bảng 1 — Yêu cầu

Yếu tố	Định nghĩa	Mã
Header (Tiêu đề)	<i>Thông tin hành chính</i>	M
SupplyingAgencyId (Nhận dạng cơ quan cung cấp)	Nhận dạng của thư viện cung cấp (Loại phức hợp AgencyId (Nhận dạng cơ quan))	M CT
RequestingAgencyId (Nhận dạng cơ quan yêu cầu)	Nhận dạng của thư viện yêu cầu (Loại phức hợp AgencyId (Nhận dạng cơ quan))	M CT
Timestamp (Tem thời gian)	Thời gian của giao dịch Tham chiếu TCVN ISO 8601 Định dạng: UTC: YYYY-MM-DDThh:mm:ssZ	M
RequestingAgencyRequestId (Nhận dạng yêu cầu của cơ quan yêu cầu)	Nhận dạng hoặc chỉ số yêu cầu của thư viện yêu cầu	M
RequestingAgencyAuthentication (Xác nhận của cơ quan yêu cầu)	Xác nhận trong hệ thống thư viện cung cấp của thư viện yêu cầu (Loại phức hợp)	CT
BibliographicInfo (Thông tin thư mục)	<i>Thông tin thư mục về tài liệu yêu cầu</i>	M
SupplierUniqueRecordId (Nhận dạng biểu ghi duy nhất nhà cung cấp)	SupplierUniqueRecordId (Nhận dạng biểu ghi duy nhất nhà cung cấp) chỉ được sử dụng làm chỉ số nhận dạng nội bộ duy nhất cho tài liệu yêu cầu tại thư viện cung cấp, xác định từ một yêu cầu vốn tài liệu tự động trước đó. Nếu chỉ số nhận dạng này đã được sử dụng, tài liệu sẽ không có chỉ số nhận dạng khác trong <i>BibliographicInfo</i> (Thông tin- thư mục) Xem thông tin bổ sung trong Phụ lục E	
Title (Nhan đề)	Nhan đề của tài liệu yêu cầu	
Author (Tác giả)	Tác giả của tài liệu yêu cầu	
Subtitle (Phụ đề)	Phụ đề của tài liệu yêu cầu	
SeriesTitle (Nhan đề từng thư)	Nhan đề của từng thư	
Edition (Lần xuất bản)	Lần xuất bản	

Bảng 1 (tiếp theo)

Yếu tố	Định nghĩa	Mã
TitleOfComponent (Nhan đề của hợp phần)	Nhan đề của bộ phận cấu thành (ví dụ bài báo)	
AuthorOfComponent (Tác giả của hợp phần)	Tác giả của bộ phận cấu thành	
Volume (Tập)	Tập	
Issue (Số)	Số	
PagesRequested (Các trang yêu cầu)	Trang bắt đầu và trang kết thúc	
EstimatedNoPages (Số trang dự kiến)	Số lượng trang dự kiến	
BibliographicItemId (Nhận dạng thư mục của tài liệu)	Nhận dạng của vật thể vật lý hoặc điện tử (Loại phức hợp)	R CT
Sponsor (Nhà tài trợ)	Cá nhân hoặc tổ chức tài trợ cho xuất bản phẩm	
InformationSource (Nguồn lấy thông tin)	Mô tả nơi thông tin thư mục được tìm thấy	
BibliographicRecordId (Nhận dạng biểu ghi thư mục)	Nhận dạng của biểu ghi thư mục (Loại phức hợp)	CT R
PublicationInfo (Thông tin xuất bản)	<i>Thông tin về xuất bản phẩm</i>	
Publisher (Nhà xuất bản)	Tên nhà xuất bản	
PublicationType (Loại xuất bản phẩm)	Loại xuất bản phẩm	OC
PublicationDate (Ngày xuất bản)	Ngày xuất bản CHÚ THÍCH Đối với xuất bản phẩm nhiều kỳ và bài báo từ xuất bản phẩm nhiều kỳ, đây là ngày công bố bộ phận cấu thành như là số, không phải ngày xuất bản số đầu tiên của xuất bản phẩm nhiều kỳ.	
PlaceOfPublication (Nơi xuất bản)	Nơi xuất bản, ví dụ thành phố	
ServiceInfo (Thông tin dịch vụ)	<i>Thông tin về dịch vụ yêu cầu</i>	M
RequestType (Loại yêu cầu)	Loại yêu cầu (mới, yêu cầu lại, hoặc nhắc nhở) Nếu không nêu loại yêu cầu, mặc định là "mới".	CC
RequestingAgencyPrevious-RequestId (Nhận dạng yêu cầu trước của cơ quan yêu cầu)	Chỉ số yêu cầu trước đây của cơ quan yêu cầu khi yêu cầu lại được gửi với dữ liệu cập nhật dựa trên ReasonRetry (Nguyên nhân yêu cầu lại)	

Bảng 1 (tiếp theo)

Yếu tố	Định nghĩa	Mã
ServiceType (Loại dịch vụ)	Loại dịch vụ. Giá trị: Copy (Sao chụp), Loan (Mượn), hoặc CopyOrLoan (Sao chụp hoặc mượn). Nếu yêu cầu là Copy (Sao chụp), thư viện yêu cầu chỉ quan tâm tới sao chụp. Nếu yêu cầu là Loan (Mượn), thư viện yêu cầu chỉ quan tâm đến mượn. Nếu yêu cầu là CopyOrLoan (Sao chụp hoặc mượn), khi đó thư viện yêu cầu chấp nhận hoặc sao chụp hoặc mượn tài liệu.	M CC
ServiceLevel (Cấp độ dịch vụ)	Cấp độ dịch vụ	OC
PreferredFormat (Định dạng ưu tiên)	Định dạng của phương tiện được yêu cầu	OC
NeedBeforeDate (Cần trước ngày)	Yêu cầu không thích hợp sau ngày/thời gian được nêu. Tham chiếu TCVN ISO 8601 Định dạng: UTC: YYYY-MM-DDTh:mm:ssZ	
CopyrightCompliance (Tuân thủ bản quyền)	Tuân thủ bản quyền của thư viện yêu cầu	OC
AnyEdition (Lần xuất bản bất kỳ)	Giá trị: Y hoặc N. Sử dụng giá trị Y (Có), nếu chấp nhận ấn bản bất kỳ. Sử dụng giá trị N (Không), nếu chỉ chấp nhận ấn bản được chỉ ra	
Note (Chú thích)	Chú thích mà người xử lý có thể đọc được	
SupplierInfo (Thông tin nhà cung cấp)	<i>Khi yêu cầu được gửi tới một đơn vị trung gian, thư viện yêu cầu có thể cung cấp danh mục các nhà cung cấp tiềm năng (theo trật tự ưu tiên).</i> <i>Chủ yếu dành cho các yêu cầu gửi tới người môi giới, nhưng cũng có thể được sử dụng trong các tình huống khác.</i>	R
SortOrder (Trật tự ưu tiên)	Giá trị từ 1 đến 99 xác định trật tự ưu tiên cho sử dụng	
SupplierCode (Mã nhà cung cấp)	Mã xác định một nhà cung cấp tiềm năng (Loại phức hợp AgencyId (Nhận dạng cơ quan))	CT
SupplierDescription (Mô tả nhà cung cấp)	Thông tin văn bản về nhà cung cấp	
BibliographicRecordId (Nhận dạng biểu ghi thư mục)	Nhận dạng của biểu ghi thư mục được sử dụng (Loại phức hợp)	CT
CallNumber (Ký hiệu xếp giá)	Biểu thị vị trí xếp giá của tài liệu	
SummaryHoldings (Mô tả tóm lược vốn tài liệu)	Mô tả bằng văn bản ở mức tóm lược về vốn tài liệu	
AvailabilityNote (Ghi chú về tính sẵn có)	Thông tin về tính sẵn có	